

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành
Công trình: Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Đông Bắc huyện Phù Mỹ
(hồ Hóc Nhạn, Đồng Dụ)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông báo kết quả kiểm toán số 231/TB-KV III ngày 16/7/2024 của Kiểm toán nhà nước Khu vực III tại Ban Quản lý dự án Đầu tư và xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 446/TTr-STC ngày 29/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành với các nội dung như sau:

- Tên công trình: Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Đông Bắc huyện Phù Mỹ (hồ Hóc Nhạn, Đồng Dụ).

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT.

- Địa điểm xây dựng: Huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Cơ quan phê duyệt dự án đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Thời gian khởi công - hoàn thành: từ ngày 26/12/2022 đến ngày 28/12/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Số TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư được duyệt | Dự toán được duyệt | Giá trị quyết toán |
|----------------|---|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng số | | 65.000.000.000 | 47.593.272.000 | 56.472.404.000 |
| I | Chi phí bồi thường, GPMB | 13.500.000.000 | | 9.960.169.000 |
| II | Chi phí xây dựng | 37.527.373.000 | 37.088.370.000 | 36.840.541.000 |
| 1 | Chi phí xây dựng | 37.527.373.000 | 37.088.370.000 | 36.211.557.000 |
| 2 | Thuế tài nguyên đập đất | | | 305.599.000 |
| 3 | Chi phí bảo vệ môi trường | | | 323.385.000 |
| III | Chi phí thiết bị | 3.208.128.000 | 2.590.901.000 | 2.546.633.000 |
| IV | Chi phí quản lý dự án | 1.045.272.000 | 1.022.282.000 | 1.003.981.000 |
| 1 | Chi phí quản lý dự án | 963.209.000 | 941.481.000 | 928.457.000 |
| 2 | Chi phí thẩm định thiết kế | 41.772.000 | 41.266.000 | 38.571.000 |
| 3 | Chi phí thẩm định dự toán | 40.291.000 | 39.535.000 | 36.953.000 |
| V | Tư vấn đầu tư xây dựng công trình | 4.148.450.000 | 3.952.020.000 | 3.873.606.000 |
| A | Giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi | 1.095.518.000 | 1.047.937.000 | 1.047.937.000 |
| 1 | Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát lập BCNCKT | 17.662.000 | 17.662.000 | 17.662.000 |
| 2 | Chi phí khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi | 1.053.570.000 | 1.007.205.000 | 1.007.205.000 |
| | <i>Chi phí khảo sát địa hình</i> | <i>229.497.000</i> | <i>228.349.000</i> | <i>228.349.000</i> |
| | <i>Chi phí khảo sát địa chất</i> | <i>418.126.000</i> | <i>375.980.000</i> | <i>375.980.000</i> |
| | <i>Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi</i> | <i>405.947.000</i> | <i>402.876.000</i> | <i>402.876.000</i> |
| 3 | Chi phí giám sát công tác khảo sát địa hình, địa chất | 24.286.000 | 23.070.000 | 23.070.000 |
| B | Giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công | 3.052.932.000 | 2.904.083.000 | 2.825.669.000 |
| 1 | Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát lập TKBVTC, dự toán | 10.909.000 | 10.816.000 | 10.816.000 |
| 2 | Chi phí khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn lập thiết kế BVTC | 400.000.000 | 349.881.000 | 349.881.000 |
| | <i>Chi phí khảo sát địa hình</i> | | <i>79.121.000</i> | <i>79.121.000</i> |
| | <i>Chi phí khảo sát địa chất</i> | | <i>270.760.000</i> | <i>270.760.000</i> |
| 3 | Chi phí giám sát công tác khảo sát địa hình, địa chất | 14.807.000 | 13.191.000 | 13.191.000 |
| 4 | Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán | 1.334.478.000 | 1.205.656.000 | 1.205.656.000 |
| 5 | Chi phí giám sát thi công xây dựng | 821.849.000 | 813.348.000 | 736.626.000 |

| Số TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư được duyệt | Dự toán được duyệt | Giá trị quyết toán |
|-----------|---|----------------------------|----------------------|----------------------|
| 6 | Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị | 23.034.000 | 18.603.000 | 16.911.000 |
| 7 | Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường | 157.414.000 | 157.414.000 | 157.414.000 |
| 8 | Chi phí lập E-HSMT và đánh giá HSDT gói thầu khảo sát lập TKBVTC, dự toán | 3.154.000 | 3.578.000 | 3.578.000 |
| 9 | Chi phí lập E-HSMT và đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị | 74.065.000 | 66.335.000 | 66.335.000 |
| 10 | Chi phí lập kế hoạch ứng phó khẩn cấp hồ Hóc Nhạn | 213.222.000 | 265.261.000 | 265.261.000 |
| VI | Chi phí khác | 2.393.703.000 | 2.900.851.000 | 2.247.474.000 |
| 1 | Chi phí bảo hiểm công trình | 338.105.000 | 270.820.000 | 270.820.000 |
| 2 | Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi | 2.592.000 | 4.550.000 | 4.550.000 |
| 3 | Phí thẩm định TKBVTC, dự toán | 34.440.000 | 63.553.000 | 62.193.000 |
| 4 | Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường | 9.500.000 | 9.500.000 | 9.500.000 |
| 5 | Chi phí thẩm định E-HSMT và kết quả LCNT gói thầu khảo sát, lập TKBVTC, dự toán | 2.000.000 | 2.000.000 | 2.000.000 |
| 6 | Chi phí thẩm định E-HSMT và kết quả LCNT gói thầu thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị | 37.032.000 | 33.167.000 | 33.167.000 |
| 7 | Chi phí khảo sát, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính | | | |
| | <i>Thiết kế kỹ thuật và dự toán đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính</i> | <i>20.000.000</i> | <i>2.016.000</i> | <i>0</i> |
| | <i>Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính</i> | <i>180.000.000</i> | <i>67.435.000</i> | <i>67.435.000</i> |
| | <i>Kiểm tra, nghiệm thu kết quả đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính</i> | <i>7.200.000</i> | <i>2.590.000</i> | <i>2.590.000</i> |
| 8 | Chi phí cầm mốc giải phóng mặt bằng | 59.915.000 | 0 | 0 |
| 9 | Chi phí chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất | 24.000.000 | 0 | 0 |
| 10 | Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình | 50.000.000 | 0 | 0 |
| 11 | Thuế tài nguyên đắp đất | 689.859.000 | 308.798.000 | |
| 12 | Chi phí bảo vệ môi trường | 201.125.000 | 326.770.000 | |
| 13 | Chi phí nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa | 271.337.000 | 921.480.000 | 921.480.000 |

| Số TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư được duyệt | Dự toán được duyệt | Giá trị quyết toán |
|------------|--|----------------------------|--------------------|--------------------|
| 14 | Phí thẩm định hồ sơ chỉnh lý biến động thu hồi đất thực hiện dự án | 10.000.000 | 0 | 0 |
| 15 | Chi phí điều tra, đánh giá hiện trạng rừng | 50.000.000 | 94.316.000 | 94.316.000 |
| 16 | Nộp tiền trồng rừng thay thế | | 465.161.000 | 465.161.000 |
| 17 | Chi phí kiểm toán | 289.045.000 | 249.766.000 | 242.678.000 |
| 18 | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán | 117.553.000 | 78.929.000 | 71.584.000 |
| | <i>Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phù Mỹ thực hiện</i> | | | 6.922.000 |
| | <i>Sở Tài chính thực hiện</i> | | | 64.662.000 |
| VII | Dự phòng chi | 3.177.074.000 | 38.848.000 | 0 |

2. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Số TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư được duyệt | Thực hiện | | | |
|------------|-------------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|---|--------------------|
| | | | Giá trị quyết toán | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán | Số vốn đã thu hồi |
| | Tổng số | 65.000.000.000 | 56.472.404.000 | 56.630.000.000 | 111.434.000 | 269.030.000 |
| 1 | Vốn đầu tư công | | | 56.630.000.000 | | |
| 1.1 | Vốn Ngân sách nhà nước | | | 56.630.000.000 | | |
| | - Vốn ngân sách trung ương | | | 55.000.000.000 | | |
| | - Vốn ngân sách tỉnh | | | 1.630.000.000 | | |

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Thuộc chủ đầu tư quản lý | | Giao đơn vị khác quản lý | |
|-----------------------------------|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------|
| | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi |
| Tổng số | | | 56.472.404.000 | 56.472.404.000 |
| Tài sản dài hạn (tài sản cố định) | | | 56.472.404.000 | 56.472.404.000 |

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không.**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:****1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn | Số tiền | Ghi chú |
|----------------------------|-----------------------|----------------|
| Tổng số | 56.472.404.000 | |
| 1. Đã bố trí | 56.630.000.000 | |
| - Vốn ngân sách trung ương | 55.000.000.000 | |
| - Vốn ngân sách tỉnh | 1.630.000.000 | |
| 2. Vốn đã thu hồi | 269.030.000 | |
| 3. Chưa bố trí | 111.434.000 | |

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:

- Tổng nợ phải thu: 0 đồng;
 - Tổng nợ phải trả: 111.434.000 đồng.

Trong đó:


Chi phí khác 111.434.000 đồng;
 + Chi phí kiểm toán 39.850.000 đồng;
 + Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán 71.584.000 đồng;
 * Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phù Mỹ 6.922.000 đồng;
 thực hiện
 * Sở Tài chính thực hiện 64.662.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:


Đơn vị tính: đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/cổ định |
|--|--------------------------------|
| Tổng cộng | 56.472.404.000 |
| 1. UBND huyện Phù Mỹ quản lý, sử dụng Hồ Đồng Dụ | 32.307.170.000 |
| 2. Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định quản lý, sử dụng Hồ Hóc Nhạn | 24.165.234.000 |

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ, Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang